TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN N** **TỈNH NINH THUẬN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2023/HC-ST
Ngày: 22 – 9 – 2023
V/v: Khiếu kiện yêu cầu hủy quyết định giải quyết khiếu nại về quản lý đất đai; buộc thực hiện các thủ tục hành chính để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N, TỈNH NINH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Văn Cường

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Hường

2. Ông Phạm Ngọc Minh

- Thư ký phiên tòa: Ông Đồng Mây Hồng Tuyên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Thuận tham gia phiên tòa: Bà Lưu Thị Kim Thuyền – Kiểm sát viên.

Ngày 22/9/2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Thuận xét xử công khai sơ thẩm vụ án hành chính thụ lý số 01/2023/TLST-HC ngày 13/3/2023 về việc "Khiếu kiện yêu cầu hủy quyết định giải quyết khiếu nại về quản lý đất đai; buộc thực hiện thủ tục hành chính để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2023/QĐXXST-HC, ngày 06/9/2023 giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Ông Lâm Xuân D, sinh năm 1984. (*có mặt)*

Địa chỉ: Thôn L, xã P, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Ông Nguyễn T – Luật sư Văn phòng luật sư N, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Lâm Đồng. (*có mặt)*

2. Người bị kiện:

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân (UBND) xã P, huyện N.

- Ủy ban nhân dân (UBND) xã P, huyện N.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Văn T – Phó chủ tịch UBND xã P, huyện N. (*văn bản ủy quyền ngày 12/7/2023, có mặt*)

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Ông Lâm Văn M, sinh năm 1954. Địa chỉ: Thôn L, xã P, huyện N, tỉnh Ninh Thuận. (*đề nghị xét xử vắng mặt)*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 22/02/2023 cũng như tại phiên tòa người khởi kiện ông Lâm Xuân D trình bày:

Toàn bộ thửa đất số 116, tờ bản đồ số 13, thôn Liên Sơn 2, xã P, huyện N có diện tích 5735m^2 là của gia đình ông có nguồn gốc do cha mẹ khai hoang từ trước năm 1990 canh tác, quản lý, sử dụng ổn định đến nay không ai tranh chấp.

Năm 2017 ông Lâm Xuân D tiếp tục quản lý, tôn tạo, đổ đất, trồng cây. Có xác nhận của những người làm chứng ở địa phương là các ông Nguyễn Phúc T, Huỳnh Nhút N, Trần Ngọc T1, Nguyễn Minh K, Nguyễn Văn B, Nguyễn Văn X, Tống Văn Sở Nguyễn Khắc H, Lâm Duy L, Trần Kim P, Đỗ Khắc C, Mang N, Lý Quốc Đ...ký tên, có chứng thực và chịu trách nhiệm trước pháp luật về làm chứng. UBND xã cũng thừa nhận tại trang 3 của văn bản số 70 và trang 7 QĐ số 27.

Ngày 16/5/2017 sau khi tiến hành đo vẽ mô tả ranh giới, mốc giới một phần thửa đất có ký giáp ranh tứ cận và được UBND xã P xác nhận đất ông Lâm Xuân D canh tác sử dụng ổn định, không tranh chấp với ai. Đến ngày 24/5/2017, chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện N trích lục bản đồ địa chính thuộc thửa 116, tờ bản đồ số 13, thôn L1, xã P, huyện N, diện tích 2021m^2.

Ngày 12/3/2021 cha ông là ông Lâm Văn M làm đơn đề nghị xin cấp giấy chứng nhận gửi cho xã tiếp nhận nhưng chưa giải quyết.

Ngày 11/5/2021 ông khiếu nại UBND xã P không thực hiện thủ tục xét cấp. Ngày 18/5/2021 ông có làm đơn xin làm nhà tạm trên đất được UBND xã P tiếp nhận đơn và hẹn trả kết quả.

Thời điểm phát sinh tranh chấp với ủy ban nhân dân xã P: Ngày 31/5/2021, ủy ban nhân dân xã P họp hội đồng xét cấp để xác định nguồn gốc, quá trình sử dụng của gia đình ông. Thì lúc này UBND xã P mới cho rằng đất của gia đình ông có nguồn gốc đất nghĩa trang do xã quản lý.

Ngày 10/6/2021, UBND ban hành Văn bản trả lời đơn số 70/UBND-NC. Tại mục 4, trang 4, ý kiến của xã P có nêu: . .*ông Lâm Văn M sử dụng đất không ổn định. Nhà nước thu hồi đất của ông Lâm Văn M do vi phạm luật đất đai*....; không phù hợp với quy hoạch sử dụng đất theo quy định.

Ngày 04/7/2021, ông khiếu nại văn bản số 70. UBND xã P ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu số 27/QĐ-UBND ngày 24/02/2022. Không chấp nhận khiếu nại của ông và giữ nguyên công văn 70.

Về nội dung việc UBND xã P không công nhận diện tích khoảng 6000m^2 (trong đó có thửa đất số 116, tờ bản đồ số 13, diện tích 202lm^2) là của gia đình ông và không xem xét để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông, là căn cứ vào Quyết định số 2841/QĐ-UBND ngày 27/11/2012 của UBND huyện N về việc phê duyệt Đồ án quy hoạch xây dựng nông thôn mới xã P, huyện N, giai đoạn 2011-2015 và định hướng đến năm 2020.

Quyết định số 27/QĐ-UBND ngày 24/02/2022 của ủy ban nhân dân xã P do bà Nguyễn Thị Khánh Hải - Chức vụ phó chủ tịch UBND xã ký ban hành xâm phạm đến quyền và lợi ích của ông.

Thứ nhất về nguồn gốc: Diện tích đất trên có nguồn gốc do gia đình ông khai hoang. Có người làm chứng, có đo vẽ, trích lục và UBND xã P xác nhận đất sử dụng ổn định, không có tranh chấp vào năm 2017. Gia đình ông canh tác quản lý, sử dụng ổn định, đổ đất, trồng cây xã không có ý kiến gì trong một thời gian dài. Việc sử dụng đất của gia đình ông phù hợp với quy định của pháp luật về đất đai.

Thứ hai: UBND xã P căn cứ vào Quyết định số 2841/QĐ-UBND ngày 27/11/2012 của UBND huyện N về việc phê duyệt Đồ án quy hoạch xây dựng nông thôn mới xã P, huyện N, giai đoạn 2011-2015 và định hướng đến năm 2020 để cho rằng đất của gia đình ông là của xã quản lý là hoàn toàn không đúng pháp luật. Vì đây chỉ là quy hoạch xây dựng nông thôn mới. Ngoài ra không có chứng cứ nào chứng minh là đất công do xã quản lý...hoặc quyết định nào của huyện giao xã quản lý. (*nếu có quy hoạch tổng thể, chưa có quy hoạch chỉ tiết và chưa triển khai thực hiện quy hoạch thì cũng phải cấp QSDĐ cho dân theo điều 36 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/05/2014 của chính phủ quy định chi tiết thỉ hành một số điểu của luật Đất đai 2013).*

Thứ ba: Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu số 27/QĐ-UBND ngày 24/02/2022 do bà Nguyễn Thị Khánh Hải - chức vụ phó chủ tịch UBND xã P ký ban hành, đã vi phạm nghiêm trọng, trình tự, thủ tục, thẩm quyền. UBND xã không tổ chức đối thoại, và tại thời điểm xã P chưa có Chủ tịch thì không thể ký thay Chủ tịch, không đúng quy định thẩm quyền theo luật Tổ chức chính quyền địa phương hiện hành và luật khiếu nại 2011.

Thứ tư: Nội dung văn bản số 70/UBND-NC và QĐ số 27/QĐ-UBND của UBND xã đã mâu thuẫn nghiêm trọng nên dẫn đến việc ban hành văn bản số 70 và QĐ số 27 trái pháp luật *(một mặt khẳng định gia đình ông đổ đất năm 2017, mặt khác lại cho rằng từ trước đến năm 2019 không ai canh tác trên phần đất đó).*

Thứ năm: Tại trang 4 văn bản số 70 và trang 7 QĐ số 27 UBND xã đã khẳng định nguồn gốc đất trên là của ông Lâm Văn M (cha ông) do vi phạm luật đất đai, nhà nước thu hồi, nên không đủ điều kiện xét cấp QSDĐ (không phải là đất công do xã

quản lý) nhưng thực tế không có biên bản vi phạm về đất đai hay quyết định thu hồi nào. Xã cho rằng đất do xã quản lý là không có căn cứ.

Thứ sáu: UBND xã căn cứ vào quyết định số 2841/QĐ-UBND ngày 27/11/2012 của UBND huyện N và bảng trích sơ đồ địa chính năm 1996 (biên tập năm 2004, trích sơ đồ thu hồi đất làm kênh mương thuộc hồ chứa nước lanh ra năm 2009 do phó chủ tịch ông Lê Văn T ký ngày 18/7/2023) cho rằng đất công do xã quản lý là hoàn toàn không có cơ sở, bởi QĐ 2841 đã hết thời hiệu, hơn nữa ông Lê Văn T không thuộc thẩm quyền biên tập để ký.

Thứ bảy: Ngày 07/11/2022, UBND huyện N ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 1953/QĐ-XPVPHC cho rằng ông chiếm đất chưa sử dụng ở nông thôn. Ông đã khiếu nại số 313/QĐ-UBND ngày 20/3/2023, không chấp nhận khiếu nại của ông, giữ nguyên quyết định số 1953/QĐ-XPVPHC. Ông tiếp tục khiếu nại lên Chủ tịch ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận. Ngày 23/6/2023 UBND huyện N ban hành Quyết định số 882/QĐ-HB hủy bỏ toàn bộ quyết định số 1953/QĐ-XPVPHC và ngày 26/6/2023 UBND huyện N ban hành Quyết định số 894/QĐ-UBND hủy bỏ quyết định số 313/QĐ-UBND ngày 20/3/2023. Nên ông đã rút khiếu nại.

Thứ tám: Trang 12 quyết định số 27 xã nêu đất của gia đình ông đang quản lý, sử dụng tại tờ bản đồ số 13, thửa 116 là đất nằm ngoài khu đo là không đúng. Ngày 12/10/2022 xã lại tự lập trích lục sơ đồ cho rằng ông chiếm đất công do xã quản lý tại tờ bản đồ số 8 là hoàn toàn suy diễn, áp đặt không đúng thực tế.

Từ những cơ sở trên, nay ông đề nghị Tòa án nhân dân huyện Ninh Phước giải quyết:

- Tuyên hủy toàn bộ Quyết định giải quyết khiếu nại số 27/QĐ-UBND ngày 24/02/2022, và văn bản số 70/UBND-NC ngày 10/6/2021 của UBND xã P, huyện N;

- Buộc ủy ban nhân dân xã P thực hiện các thủ tục hành chính về đất đai theo quy định, để cấp có thẩm quyền, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho gia đình ông đối với thửa đất nêu trên.

Tại phiên tòa đại diện của người bị kiện ông Lê Văn T trình bày:

Về nguồn gốc, thời điểm và quá trình sử dụng đất của ông Lâm Xuân D tại thửa đất số 116, tờ bản đồ số 13 xã P (diện tích đã trích lục 2.021 m^2 vào năm 2017 và mở rộng thêm khoảng 4.000 m^2 vào năm 2020) mà ông Lâm Xuân D đề nghị UBND xã lập thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sư dụng đất (GCNQSDD) cho ông; sau đó, UBND xã P tổ chức họp Hội đồng tư vấn đất đai xã xác nhận nguồn gốc đất, thời điểm, quá trình sử dụng đất để làm cơ sở xét, đề nghị cấp GCNQSDĐ cho ông Lâm Xuân D theo quy định pháp luật.

Trên cơ sở xác định nguồn gốc, thời điểm, quá trình sử dụng đất của ông Lâm Xuân D; đồng thời, đối chiếu Sổ Mục kê, Sổ địa chính, bản đồ địa chính do UBND xã P quản lý và Quyết dịnh số 2841/QD-UBND ngày 27/11/2012 của Chủ tịch UBND huyện N, về việc phê duyệt Đồ án quy hoạch xây dựng nông thôn mới xã P, huyện N,

giai đoạn 2011-2015 và định hướng đến năm 2020*;* ngày 10/6/2021, UBND xã phát hành Công văn sô 70/UBND-NC, về việc trả lời đơn của ông Lâm Xuân D.

Nay, UBND xã P có ý kiến về Công văn số 70/UBND-NC ngày 10/6/2021 của UBND xã P như sau:

- Về thời hạn giải quyết đơn: Đúng thời hạn theo chỉ đạo của UBND huyện N tại Công văn số 1709/UBND-NC ngày 21/5/2021.

- Về hình thức: Ban hành bằng văn bản đúng quy định pháp luật.

- Về thể thức: Đúng theo Điều 8, Nghị định số 30/2020/NĐ-CP ngày 05/3/2020 của Chính phủ về công tác văn thư.

- Về thẩm quyên ban hành văn bản: Theo lĩnh vực được UBND xã P phân công nhiệm vụ quản lý.

- Về nội dung: Áp dụng theo các Khoản 1, 2 Điều 101 Luật Đất đai năm 2013 và Khoản 5, Diều 20 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ, quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai; đồng thời, đối chiếu bản đồ địa chính xã Phước Sơn (nay là P) xác lập năm 1996 thì tại thửa đất số 116, tờ bản đồ số 13 xã P, diện tích 2.021 m^2 *(trích lục năm 2017)* và thửa đất diện tích gần 4.000m^2 mà ông Lâm Xuân D mới san ủi năm 2020 là đất hoang, do UBND xã quản lý; đối chiếu sổ mục kê, Sổ địa chính do UBND xã quản lý thì thửa đất số 116, tờ bản đồ số 13 và thửa đất diện tích đất khoảng 4.000 m^2 không có quy chủ cho ông Phạm Ngọc Trai *(Ngoại ruột ông D)* hay ông Lâm Văn M (*cha ruột ông D)* hoặc ông Lâm Xuân D; đối chiếu sơ đồ hiện trạng thu hồi đất để làm kênh mương thuộc hồ chứa nước Lanh Ra năm 2009 tại tờ bản đồ số 08 và 13 toạ lạc thôn L1, tại thửa đất số 116, tờ bản đồ số 13 và thửa đất diện tích đất khoảng 4.000 m^2 là đất bằng chưa sử dụng, do UBND xã P quản lý, không thu hồi, bồi thường đất cho hộ nào; đối chiếu Bản vẽ quy hoạch xây dựng nông thôn mới xã P giai đoạn năm 2015 định hướng đến năm 2020 (theo Quyết định số 284l/QĐ-UBND ngày 27/11/2012 của ủy ban Nhân dân huyện N) thì tại khu vực vị trí này là đất bằng chưa sử dụng, do UBND xã P quản lý và được quy hoạch sân phơi, khu chế biến nông sản với diện tích 1,4 ha *(hiện trạng tiếp giáp nghĩa trang cũ hiện nay còn sót lại rất nhiều mộ của người dân thôn Phước Thiện, xã Phước Sơn).* Trong quá trình lập quy hoạch và thực hiện quy hoạch xây dựng nông thôn mới, UBND xã P đã tổ chức nhiều cuộc họp để lấy ý kiến của bà con Nhân dân các thôn và được bà con Nhân dân đồng tình thống nhất cao; sau đó, tổ chức họp thống nhất trong Ban Chấp hành Đảng ủy xã và họp Hội đồng Nhân dân xã P lấy biểu quyết Đồ án xây dựng nông thôn mới. Sau khi được Chủ tịch UBND huyện ban hành Quyết định số 2841/QD-UBND ngày 27/11/2012, về việc phê duyệt Đồ án quy hoạch xây dựng nông thôn mới xã P, UBND xã tổ chức thực hiện quy hoạch và quản lý quy hoạch, đã thực hiện niêm yết Đồ án quy hoạch nông thôn mới xã P giai đoạn 2011 -2015 và định hướng đến năm 2020 bằng Panô trước trụ sở UBND xã P, đồng thời thông báo cho nhân dân biết để thực hiện.

Như vậy, ông Lâm Xuân D phản ánh việc UBND xã P không lập thủ tục cấp GCNQSDĐ cho ông là không đúng sự thật; bởi vì, đối chiếu với hồ sơ, bản đồ địa chính xã P, quyết định của cấp trên thì khu vực, vị trí đất mà ông D yêu cầu cấp GCNQSDĐ cho ông là đất do UBND xã P quản lý; do đó, không có cơ sở để UBND xã xác lập hồ sơ xét, cấp GCNQSDĐ cho ông D theo quy định.

2. Đối với Quyết định số 27/QĐ-UBND ngày 24/02/2022 của Chủ tịch UBND xã P, về việc giải quyết khiếu nại của ông Lâm Xuân D, thường trú thôn L, xã P (lần đầu).

Thực hiện Công văn số 3047/UBND-NC ngày 18/8/2021 của UBND huyện N, về việc giải quyết đơn của ông Lâm Xuân D, có nội dung: *Phản ánh việc UBND huyện N chưa chỉ đạo giải quyết vụ khiếu nại của ông đối với Công văn số 70/UBND-NC ngày 10/6/2021 của UBND xã P;*

Ngày 20/8/2021, UBND xã P ban hành Thông báo số 58/TB- UBND, về việc thụ lý giải quyết khiếu nại lần đầu và Quyết định số 259/QĐ-UBND, về việc xác minh nội dung khiếu nại; ngày 26/8/2021, UBND xã P ban hành Công văn số 102/UBND-NC, về việc xin gia hạn thời gian giải quyết đơn khiếu nại của ông Lâm Xuân D; theo đó, thời hạn giải quyết đơn khiếu nại của ông D đến ngày 15/9/2021.

Nhằm giải quyết đơn khiếu nại theo trình tự, thủ tục quy định của pháp luật; ngày 01/9/2021, UBND xã P mời ông Lâm Xuân Duyên đến trụ sở UBND xã để cung cấp các thông tin, tài liệu, bằng chứng liên quan nội dung đơn khiếu nại của ông để UBND xã xem xét, giải quyết theo quy định nhưng ông D không đến làm việc. Ngày 06/9/2021, UBND xã phát hành Giấy mời số 96/GM-UBND, mời ông Lâm Xuân D và các thành phần liên quan để đối thoại nội dung theo đơn khiếu nại của ông Lâm Xuân D ghi ngày 04/7/2021; tuy nhiên, ngày 08/9/2021, ông Lâm Xuân D gửi đơn đề nghị UBND xã tạm hoãn buổi đối thoại ngày 09/9/2021 và cung cấp một số Giấy xác nhận người làm chứng về nguồn gốc đất của ông D.

Do cần phải xác minh thêm các nhân chứng về nguồn gốc đất của ông Lâm Xuân D; mặt khác, trong năm 2021, dịch bệnh Covid-19 diễn biến rất phức tạp, phải thực hiện giãn cách xã hội, tập trung phòng chống, dịch; do đó, UBND xã P không thể ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại của ông Lâm Xuân D theo thời hạn và trình tự, thủ tục quy định của pháp luật. UBND xã đã có Báo cáo số 135/BC-UBND ngày 15/9/2021, về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Lâm Xuân D và gửi UBND huyện N biết để chỉ đạo.

Nay, UBND xã P có ý kiến về Quyết định số 27/QĐ-UBND ngày 24/02/2022 của Chủ tịch UBND xã P như sau:

- Về thời hạn giải quyết đơn: Ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu chậm so với thời hạn quy định; lý do: Ông Lâm Xuân D xin hoãn việc đối thoại và tình hình dịch Covid-19 diễn biến phức tạp, kéo dài, phải thực hiện giãn cách xã hội, tập trung phòng, chống dịch.

- Về hình thức: Ban hành bằng văn bản đúng quy định pháp luật.

- Về thể thức: Đúng theo thể thức văn bản Nhà nước.

- Về thẩm quyền ban hành văn bản: Đúng theo thẩm quyền quy định của UBND xã P.

- Về nội dung Quyết định: Áp dụng theo quy định của Luật Đất đai năm 2013 và Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày ngày 15/5/2014 của Chính phủ; căn cứ Sổ Mục kê, Sổ địa chính và bản đồ địa chính của UBND xã P, Bản vẽ quy hoạch xây dựng nông thôn mới xã P giai đoạn năm 2015 định hướng đến năm 2020 theo Quyết định số 2841/QĐ-UBND ngày 27/11/2012 của ủy ban Nhân dân huyện N; do đó, Chủ tịch UBND xã P giữ nguyên Công văn số 70/UBND-NC ngày 10/6/2021 của UBND xã P và không công nhận nguồn gốc khai hoang sử dụng đất của ông Lâm Xuân D với diện tích khoảng 6.000 m^2 tại khu vực vị trí nghĩa trang cũ của thôn L, toạ lạc thôn L1, xã P *(trong đó có thửa đất số 116, tờ bản đồ số 13, diện tích 2.021 m^2 trích lục năm 2017).*

Như vậy, vụ việc khiếu nại của ông Lâm Xuân D đã được Chủ tịch UBND xã P giải quyết theo đúng trình tự, thủ tục của Luật Khiếu nại. Việc ông Lâm Xuân D yêu cầu UBND xã P hủy Công văn số 70/UBND-NC ngày 10/6/2021 của UBND xã P và xác lập hồ sơ cấp Giấy CNQSDĐ cho ông tại thửa đất số 116, tờ bản đồ số 13 khu vực vị trí nghĩa trang cũ của thôn L, toạ lạc thôn L1, đất do UBND xã P quán lý là không đúng pháp luật và UBND xã không chấp nhận yêu cầu huỷ Quyết định số 27/QĐ-UBND ngày 24/02/2022, về việc giải quyết khiếu nại của ông Lâm Xuân D.

Tại phiên đối thoại, cũng như trong quá trình giải quyết người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lâm Văn M trình bày:

Nguồn gốc phần đất con trai ông là Lâm Xuân D khiếu kiện UBND xã là trước đây vào năm 1990, gia đình ông có khai hoang diện tích khoảng 6.000m^2 đất tại thôn L1, xã P và có canh tác trồng mè, sử dụng ổn định. Sau này do sức khỏe không đảm bảo ông đã giao lại cho Lâm Xuân D tiếp tục canh tác, sử dụng đất. Nay ông đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông Lâm Xuân D về việc hủy quyết định số 27/QĐ – UBND ngày 24/02/2022 và hủy thông báo số 70/UBND – NC ngày 10/6/2021 của UBND xã P, huyện N. Buộc UBND xã P tiến hành thực hiện thủ tục hành chính theo quy định để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Lâm Xuân D.

Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện:

Đề nghị HĐXX, tuyên xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lâm Xuân D: Hủy Quyết định giải quyết khiếu nại số 27/QĐ-UBND ngày 24/02/2022 và văn bản số 70/UBND-NC ngày 10/6/2021 của UBND xã P, huyện N; Buộc ủy ban nhân dân xã P thực hiện các thủ tục hành chính về đất đai theo quy định, để cấp có thẩm quyền, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Lâm Xuân D. Vì quyết định số 27 và văn bản số 70 của Chủ tịch UBND xã P đã vi phạm về thẩm quyền (phải do Chủ tịch UBND xã giải quyết), về trình tự không tiến hành đối thoại theo Luật khiếu nại năm 2011, về thời hạn giải quyết khiếu nại (gần 01 năm) và vi phạm về nội dung, phần đất có diện tích gần 6.000m^2 ông D đang sử dụng có nguồn gốc của gia đình ông D khai hoang sử dụng từ năm 1990 đến nay, năm 2017 ông D đổ đất, trồng cây và tiến hành

thủ tục đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được UBND xã P xác nhận đất sử dụng ổn định, không tranh chấp với ai. Việc UBND xã P cho rằng đất do UBND xã quản lý là không có căn cứ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N phát biểu trình tự thủ tục cũng như quan điểm giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã tiến hành đúng quy định của Luật tố tụng hành chính. Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án hành chính đúng trình tự, thủ tục. Các đương sự đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 55, Điều 56, Điều 57, Điều 58 Luật Tố tụng hành chính.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 193 Luật Tố tụng hành chính năm 2015, tuyên xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lâm Xuân D có nội dung: Hủy Quyết định giải quyết khiếu nại số 27/QĐ-UBND ngày 24/02/2022 và văn bản số 70/UBND-NC ngày 10/6/2021 của UBND xã P, huyện N; Buộc ủy ban nhân dân xã P thực hiện các thủ tục hành chính về đất đai theo quy định, để cấp có thẩm quyền, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Lâm Xuân D.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét thẩm tra, kết quả hỏi, tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, ý kiến của các đương sự, ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện, ý kiến của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Xét quan hệ tranh chấp:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 22/02/2023, cũng như tại phiên tòa người khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết hủy Quyết định số 27/QĐ-UBND, ngày 24/02/2022 của Chủ tịch UBND xã P về việc giải quyết khiếu nại của ông Lâm Xuân D (lần đầu) và công văn số 70/UBND-NC, ngày 10/6/2021 của UBND xã P về việc trả lời đơn của ông Lâm Xuân D; Buộc UBND xã P xác lập hồ sơ xét, cấp GCNQSDĐ cho ông D. Là các quyết định hành chính, hành vi hành chính thuộc đối tượng khởi kiện vụ án hành chính còn thời hiệu khởi kiện, quy định tại khoản 1, 2, 3, 4 Điều 3 Luật Tố tụng hành chính. Vụ án thuộc trường hợp: "*Khiếu kiện yêu cầu hủy quyết định giải quyết khiếu nại về quản lý đất đai; buộc thực hiện thủ tục hành chính để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất"*.

[1.2] Xét tư cách đương sự:

Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện, HĐXX xác định người khởi kiện là ông Lâm Xuân D; người bị kiện là Chủ tịch UBND xã P và UBND xã P, huyện N; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tham gia tố tụng với bên khởi kiện là ông Lâm Văn M, được quy định tại các khoản 8, 9, 10 Điều 3 Luật Tố tụng hành chính. Tại đơn khởi kiện, cũng như Thông báo thụ lý vụ án theo đơn khởi kiện có Văn phòng đăng ký đất đai Ninh Thuận chi nhánh N là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Tuy nhiên,

trong quá trình giải quyết cũng như tại phiên tòa, HĐXX xác định Văn phòng đăng ký đất đai Ninh Thuận chi nhánh N không liên quan đến vụ án, nên không phải là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[1.3] Xét thẩm quyền giải quyết:

Vụ án có đối tượng khiếu kiện là quyết định hành chính, hành vi hành chính của UBND xã P. Căn cứ vào khoản 1 Điều 30 và khoản 1 Điều 31 Luật Tố tụng hành chính, Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Thuận thụ lý và giải quyết là đúng thẩm quyền.

[1.4] Xét yêu cầu xét xử vắng mặt:

Ngày 10/9/2023, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lâm Văn M có ý kiến đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 157 Luật Tố tụng hành chính, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt ông Mươi theo luật định.

[2] Về nội dung khởi kiện:

Trong quá trình giải quyết cũng như tại phiên tòa người khởi kiện đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện có nội dung: Hủy Quyết định số 27/QĐ-UBND, ngày 24/02/2022 của Chủ tịch UBND xã P về việc giải quyết khiếu nại của ông Lâm Xuân D (lần đầu) và công văn số 70/UBND-NC, ngày 10/6/2021 của UBND xã P về việc trả lời đơn của ông Lâm Xuân D; Buộc UBND xã P thực hiện các thủ tục hành chính xác lập hồ sơ xét, cấp GCNQSDĐ theo quy định của pháp luật.

[2.1] Xét tính hợp pháp của Quyết định số 27/QĐ-UBND, ngày 24/02/2022 của Chủ tịch UBND xã P, huyện N.

- Về thẩm quyền, trình tự, thủ tục ban hành quyết định hành chính: Thẩm quyền giải quyết khiếu nại là của Chủ tịch UBND xã P là đúng. Tuy nhiên, Quyết định 27 được ban hành không tiến hành tổ chức đối thoại, nên đã vi phạm về trình tự, thủ tục giải quyết khiếu nại lần đầu quy định tại Điều 30 Luật Khiếu nại 2011.

- Về thời hiệu, thời hạn ban hành quyết định hành chính: Công văn số 70/UBND-NC, ngày 10/6/2021 của UBND xã P bị khiếu nại, nhưng mãi đến ngày 24/02/2022 chủ tịch UBND xã P mới ban hành quyết định số 27 giải quyết khiếu nại lần đầu là đã vi phạm về thời hạn giải quyết khiếu nại theo Điều 28 Luật Khiếu nại 2011.

- Về hình thức của quyết định hành chính: Ban hành bằng hình thức Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu là đúng quy định về hình thức. Tuy nhiên, Quyết định số 27/QĐ-UBND, ngày 24/02/2022 do bà Nguyễn Thị Khánh H – Phó chủ tịch ký thay Chủ tịch (trong khi tại thời điểm giải quyết khiếu nại UBND xã P không có chức vụ Chủ tịch xã) là không đúng. Trường hợp này phải do Phó chủ tịch phụ trách ký (nếu Phó chủ tịch phụ trách được giao quyền phụ trách và quản lý chung khi chưa có chức vụ Chủ tịch).

- Về nội dung của quyết định hành chính: Quyết định số 27/QĐ-UBND, ngày 24/02/2022 của Chủ tịch UBND xã P có nội dung:

"Điều 1. Giải quyết khiếu nại của ông Lâm Xuân D, cư ngụ tại thôn L, xã P, với nội dung sau:

1. Giữ nguyên Công văn số 70/UBND-NC, ngày 10/6/2021 của UBND xã P, về việc trả lời đơn của ông Lâm Xuân D.

2. Không chấp nhận nguồn gốc khai hoang sử dụng đất của ông Lâm Xuân D với diện tích khoảng 6.000m^2 tại khu vực vị trí nghĩa trang cũ của thôn L, ở thôn L1, xã P (trong đó có thửa số 116, tờ bản đồ số 13, diện tích 2.021m^2), vì ông Lâm Xuân D chỉ mới khai phá, phát dọn cây, đổ đất san nền năm 2017, đến gần cuối năm 2020 tiếp tục đổ đất san nền, rào bao chiếm và trồng trôm trên đất do UBND xã quản lý. Ông D không có giấy tờ chứng minh thời điểm bắt đầu sử dụng ổn định, không có giấy tờ về đất theo quy định tại khoản 1, Điều 100 Luật Đất đai 2013 và không có kê khai sử dụng đất tại vị trí này; đất không phù hợp với quy hoạch nên không đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận QSDĐ theo quy định tại các khoản 1 và 2 Điều 101 Luật Đất đai 2013 và theo quy định tại khoản 5 Điều 20 và khoản 4 Điều 22 Nghị định 43/2014/NĐ-CP, ngày 15/5/2014 của Chính phủ. UBND xã P yêu cầu ông Lâm Xuân D không tiếp tục san ủi, rào ranh, trồng cây chiếm thửa đất tại vị trí nêu trên; nếu không sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật.

Điều 2. Không đồng ý với quyết định này, ông Lâm Xuân D có quyền khiếu nại đến UBND huyện N để được giải quyết theo quy định của pháp luật…"

Xét thấy: Tại bản mô tả ranh giới, mốc giới thửa đất ngày 16/5/2017 trang thứ 2 (bút lục 79), được UBND xã P xác nhận nội dung: Tại thời điểm đo đạc, cự ly các cạnh và ranh giới thửa đất do chủ sử dụng đất xác định tại thời điểm thực địa. Đất được UBND xã P xác nhận là ông D sử dụng ổn định, không tranh chấp với ai. Và ngày 24/5/2017 ông Lâm Xuân D được Văn phòng đăng ký đất đai Ninh Thuận chi nhánh N cấp trích lục thửa đất mới số 116, tờ bản đồ địa chính 13, thôn L1, xã P, huyện N.

Như vậy, tại thời điểm năm 2017 ông Lâm Xuân D là người đang sử dụng đất và sử dụng ổn định từ trước năm 2017, được UBND xã P xác nhận là ông D sử dụng ổn định, không tranh chấp với ai. Trên thực tế ông D đã tiến hành đổ đất, san nền và trồng cây trên phần đất đang sử dụng vào năm 2017 mà không có tranh chấp.

Xét ý kiến của đại diện bị kiện cho rằng: Nguồn gốc đất ông Lâm Xuân D sử dụng không có tên trong sổ mục kê, không có giấy tờ về nguồn gốc đất, đất đã được UBND xã quy hoạch làm sân phơi từ năm 2012 theo Quyết định số 2841/QĐ- UBND ngày 27/11/2012 của UBND huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

Tuy nhiên, tại Quyết định số 2841/QĐ- UBND ngày 27/11/2012 của UBND huyện N về việc phê duyệt Đồ án quy hoạch xây dựng nông thôn mới xã P, huyện N, giai đoạn 2011-2015 và định hướng đến năm 2020. Không nêu rõ vị trí (số thửa, tờ bản đồ) để quy hoạch làm sân phơi của xã P, chỉ nêu tổng hợp nhất về đồ án xây dựng nông thôn mới và định hướng các tiêu chí phát triển trên địa bàn xã. Năm 2021 ông Lâm Văn M (cha ông Lâm Xuân D) và ông Lâm Xuân D làm đơn xin cấp giấy chứng

nhận quyền sử dụng đất, xin làm nhà tạm trên đất. Nhưng UBND xã P lại không trả lời cho người sử dụng đất biết thửa đất đã được quy hoạch làm sân phơi từ năm 2012, mà ngày 31/5/2021 UBND xã P lại tiến hành họp Hội đồng tư vấn về đất đai để xác định nguồn gốc, quá trình sử dụng của gia đình ông Lâm Xuân D. Cũng tại biên bản họp Hội đồng tư vấn về đất đai đại diện UBND xã P do ông Lê Văn T (Phó Chủ tịch UBND xã) chủ trì kết luận: Căn cứ vào đơn của ông Lâm Xuân D thì việc năm 1990 khai hoang nhưng đến năm 2017 mới đổ đất trồng cây là sử dụng không ổn định, trái với khoản 1, 2 Điều 101; điểm h khoản 1 Điều 64 Luật đất đai…Như vậy, tại buổi họp Hội đồng tư vấn UBND xã P thừa nhận nguồn gốc đất của gia đình ông Lâm Xuân D khai hoang năm 1990, nhưng sử dụng không ổn định (năm 2017 mới đổ đất).

Mặt khác Quyết định 27/QĐ-UBND, ngày 24/02/2022 của Chủ tịch UBND xã P cũng nêu: Việc sử dụng đất của ông Lâm Văn M, ông Lâm Xuân D là không ổn định, vi phạm Điều 21 Nghị định 43 của Chính phủ. Nhưng không có biên bản về việc sử dụng đất không ổn định từ năm 1990 đến nay, năm 2017 khi ông D tiến hành san ủi, đổ đất, bao hàng rào và trồng cây trôm trong khoảng thời gian dài, nhưng UBND xã P cũng không lập biên bản vi phạm về đất đai, mãi đến năm 2022 mới lập biên bản vi phạm hành chính về đất đai và cho rằng đất ông D sử dụng không ổn định là không có căn cứ.

Qua xem xét thẩm định tại chỗ ngày 18/8/2023, thể hiện: Thửa đất 116, tờ bản đồ 13 xã P, diện tích 5935m2, trên đất có trồng cây mủ trôm (450 cây mới trồng trong vòng 01 năm; 30 cây khoảng 05 năm tuổi; 06 cây nem), thửa đất được ông Lâm Xuân D đổ đất san ủi và rào bao quanh khu đất. Thực tế qua xem xét, thẩm định phù hợp với lời trình bày của ông Lâm Xuân D.

Lời trình bày của những người làm chứng có trong hồ sơ gồm: Ông Nguyễn Phúc T, ông Trần Kim P, ông Lý Quốc Đ và ông Mang N… đều trú tại thôn L, xã P, huyện N là những người biết về nguồn gốc đất tranh chấp khẳng định nguồn gốc là của gia đình ông Lâm Văn M và bà Phạm Bích T2 (là cha, mẹ ruột Lâm Xuân D) khai hoang từ năm 1990, 1991 và có canh tác trên đất.

Từ những phân tích về nội dung như trên, thấy rằng mặc dù nguồn gốc đất ông Lâm Xuân D đang sử dụng không có tên trong sổ mục kê và không có giấy tờ về nguồn gốc đất theo quy định tại Điều 100 Luật Đất đai 2013. Nhưng việc sử dụng đất của gia đình ông Lâm Xuân D phù hợp với Điều 101 Luật Đất đai 2013 và khoản 5 Điều 20 Nghị định 43/2014/NĐ-CP, ngày 15/5/2014 thì người khởi kiện đủ điều kiện được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất nông nghiệp.

Điều 101 Luật Đất đai 2013 quy định: "*1. Hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành mà không có các giấy tờ quy định tại Điều 100 của Luật này, có hộ khẩu thường trú tại địa phương và trực tiếp sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản, làm muối tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, nay được Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đất xác nhận là người đã sử dụng đất ổn định, không có tranh*

chấp thì được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất và không phải nộp tiền sử dụng đất.

2. Hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất không có các giấy tờ quy định tại Điều 100 của Luật này nhưng đất đã được sử dụng ổn định từ trước ngày 01 tháng 7 năm 2004 và không vi phạm pháp luật về đất đai, nay được Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận là đất không có tranh chấp, phù hợp với quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị, quy hoạch xây dựng điểm dân cư nông thôn đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt đối với nơi đã có quy hoạch thì được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất."

Khoản 5 Điều 20 Nghị định 43/2014/NĐ-CP, ngày 15/5/2014 quy định: "*Hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất ổn định vào mục đích thuộc nhóm đất nông nghiệp từ trước ngày 01 tháng 7 năm 2004, nay được Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận là đất không có tranh chấp thì được công nhận quyền sử dụng đất như sau:*

a) Trường hợp hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp thì được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo hình thức Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất đối với diện tích đất đang sử dụng nhưng không vượt quá hạn mức giao đất nông nghiệp quy định tại Điều 129 của Luật Đất đai; diện tích đất nông nghiệp còn lại (nếu có) phải chuyển sang thuê đất của Nhà nước;

b) Trường hợp hộ gia đình, cá nhân không trực tiếp sản xuất nông nghiệp thì được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo hình thức thuê đất của Nhà nước đối với diện tích đất đang sử dụng; thời hạn thuê đất được thực hiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 126 và Khoản 4 Điều 210 của Luật Đất đai;

c) Đối với đất nông nghiệp trong cùng thửa đất có nhà ở, công trình xây dựng khác mà không được công nhận là đất phi nông nghiệp quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều này thì hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo mục đích hiện trạng đang sử dụng như trường hợp quy định tại Điểm a Khoản này; nếu người sử dụng đất đề nghị chuyển sang sử dụng vào mục đích phi nông nghiệp thì phải làm thủ tục chuyển mục đích sử dụng đất và phải nộp tiền sử dụng đất theo quy định của pháp luật."

Như vậy, việc UBND xã P cho rằng thửa đất tranh chấp đã được quy hoạch làm sân phơi của xã từ năm 2012 theo Quyết định số 2841 là không có cơ sở, không đúng với thực tế, hiện trạng sử dụng đất.

Căn cứ vào khoản 3 Điều 191 Luật Tố tụng hành chính, HĐXX xét thấy Quyết định số 27/QĐ-UBND, ngày 24/02/2022 của Chủ tịch UBND xã P có nhiều sai phạm, không đúng với quy định của pháp luật xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện, nên cần thiết phải hủy bỏ.

[3] Xem xét tính hợp pháp của các văn bản có liên quan:

Tại đơn khởi kiện người khởi kiện tuy không yêu cầu hủy Công văn số 70/UBND-NC, ngày 10/6/2021 của UBND xã P. Tuy nhiên trong quá trình giải quyết người khởi kiện yêu cầu hủy Công văn số 70 có liên quan, làm xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện. Căn cứ vào điểm đ khoản 3 Điều 191 và Điều 193 Luật Tố tụng hành chính. HĐXX vẫn xem xét tính hợp pháp và có căn cứ của Công văn số 70/UBND-NC, ngày 10/6/2021 là văn bản hành chính có liên quan.

Từ những phân tích đối với Quyết định số 27/QĐ-UBND, ngày 24/02/2022 của Chủ tịch UBND xã P có nhiều sai phạm như trên, bị hủy bỏ. Nội dung Công văn số 70/UBND-NC, ngày 10/6/2021 của UBND xã P cũng có sai phạm như Quyết định số 27, đã xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện, nên cũng cần phải hủy bỏ.

[4] Đối với Quyết định 1953/QĐ – XPVPHC, ngày 07/11/2022 về việc xử phạt vi phạm hành chính, cũng như Quyết định số 313/QĐ – UBND, ngày 20/3/2023 về việc giải quyết khiếu nại lần đầu của UBND huyện N. Ngày 23/6/2023 UBND huyện N đã ban hành quyết định số 882/QĐ-HB về việc hủy bỏ quyết định xử phạt số 1953 QĐ – XPVPHC và ngày 26/6/2023 UBND huyện N cũng ban hành quyết định số 894/QĐ-HB về việc hủy bỏ quyết định 313/QĐ – UBND. Người khởi kiện không yêu cầu xem xét các quyết định này, nên HĐXX không xét.

[5] Cần chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tại phiên tòa. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lâm Xuân D.

[6] Về án phí:

Yêu cầu khởi kiện của ông Lâm Xuân D được chấp nhận, nên ông D không phải chịu án phí HCST.

Do Quyết định hành chính bị hủy, nên Chủ tịch UBND xã P và UBND xã P phải chịu án phí HCST số tiền là 300.000^{đ} theo quy định tại khoản 2 Điều 32 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễm, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[7] Về chi phí xem xét thẩm định: Theo quy định, Chủ tịch UBND xã P và UBND xã P phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và đo đạc cấp trích lục. Tuy nhiên người khởi kiện đồng ý chịu toàn bộ chi phí này, nên HĐXX không xét và ghi nhận sự tự nguyện của đương sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30; Khoản 1 Điều 31; Khoản 1 Điều 158; Điều 164; Khoản 3 Điều 191; Điểm b khoản 2 Điều 193; Điều 204, 206, 211, 213 Luật tố tụng hành chính; Điều 101 Luật Đất đai 2013 và khoản 5 Điều 20 Nghị định 43/2014/NĐ-CP, ngày 15/5/2014 của Chính phủ; Khoản 2 Điều 32 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễm, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lâm Xuân D, tuyên:

Hủy Quyết định số 27/QĐ-UBND, ngày 24/02/2022 của Chủ tịch UBND xã P về việc giải quyết khiếu nại của ông Lâm Xuân D (lần đầu).

2/. Tuyên hủy Công văn số 70/UBND-NC, ngày 10/6/2021 của UBND xã P về việc trả lời đơn của ông Lâm Xuân D.

3/. Buộc UBND xã P, huyện N thực hiện thủ tục hành chính xác lập hồ sơ xét, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Lâm Xuân D theo quy định pháp luật về đất đai.

4/. Về chi phí tố tụng:

Chi phí xem xét thẩm định và cấp trích lục ông Lâm Xuân D tự nguyện chịu toàn bộ chi phí. Ông D đã nộp đủ.

5/. Về án phí hành chính sơ thẩm:

Ông Lâm Xuân D không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm. Hoàn trả cho ông D số tiền tạm ứng đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu số 0007354, ngày 10/3/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện N.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã P và UBND xã P phải chịu 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí hành chính sơ thẩm.

6/. Về quyền kháng cáo: Người khởi kiện; Người bị kiện có quyền kháng cáo trong hạn 15 (*Mười lăm*) ngày kể từ ngày tuyên án; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận nhận bản án hoặc tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Tòa án Tỉnh;
- VKSND N;
- Chi cục THADS N;
- Các đương sự;
- Lưu (hồ sơ, án văn)./.

TM . HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Văn Cường